VAI TRÒ CỦA THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRONG ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Ngô Thanh Tùng
Thư viện, Trường Đại học Mở Hà Nội

Tóm tắt: *Sự phát triển của môi trường thông tin số mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức cho sinh viên (SV) đại học, đồng thời gia tăng nguy cơ tiếp nhận thông tin sai lệch. Trong bối cảnh đó, thư viện (TV) đại học không chỉ cung cấp nguồn tin học thuật mà còn hỗ trợ người học hình thành năng lực thông tin và khả năng đánh giá tri thức. Nghiên cứu này phân tích vai trò của TV trong việc định hướng tiếp cận thông tin và phát triển tư duy phản biện cho SV. Phương pháp nghiên cứu gồm phân tích tài liệu và khảo sát SV tại Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU). Kết quả cho thấy SV có xu hướng ưu tiên nguồn tin trực tuyến không chính thống, trong khi mức độ khai thác TV và năng lực đánh giá thông tin còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất giải pháp nhằm tăng cường vai trò của TV đại học trong phát triển năng lực thông tin và định hướng tiếp cận tri thức của SV.*

Từ khóa: *Thư viện đại học; định hướng thông tin; năng lực nhận thức; giáo dục thông tin; chuyển đổi số.*

THE ROLE OF UNIVERSITY LIBRARIES IN GUIDING INFORMATION ACCESS AND DEVELOPING STUDENTS' COGNITIVE CAPACITY IN THE DIGITAL ERA

Abstract: *The development of the digital information environment has expanded opportunities for university students to access knowledge, while at the same time increasing the risk of exposure to misinformation. In this context, university libraries not only provide academic information resources but also support learners in developing information literacy and the ability to evaluate knowledge critically. This study analyzes the role of libraries in guiding information access and fostering students' critical thinking. The research methods include document analysis and a survey of students at Hanoi Open University (HOU). The findings show that students tend to prioritize unofficial online sources, while their use of library resources and their information evaluation skills remain limited. On that basis, the article proposes solutions to strengthen the role of university libraries in developing students' information literacy and guiding their access to knowledge.*

Keywords: *university library; information guidance; cognitive capacity; information literacy; digital transformation.*

Nhận bài: 07/03/2026 Phản biện: 06/04/2026 Duyệt đăng: 10/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự bùng nổ của internet đã làm thay đổi đáng kể cách thức tiếp cận thông tin của SV. Tuy nhiên, lượng thông tin gia tăng không đồng nghĩa với việc chất lượng tri thức cũng tăng tương ứng. Trên thực tế, SV hiện nay chủ yếu tiếp cận thông tin thông qua các nền tảng số và mạng xã hội, những môi trường mà các nguồn tin có mức độ kiểm chứng rất khác nhau cùng tồn tại (UNESCO, 2021; Castells, 2010).

Trong môi trường giáo dục đại học, việc phát triển năng lực thông tin được xem là giải pháp quan trọng giúp người học tiếp cận, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả (ACRL, 2016). Với chức năng cung cấp và tổ chức tri thức, TV đại học có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình này (Lankes, 2016).

Tuy vậy, nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy SV có xu hướng ưu tiên các nguồn thông tin trực tuyến dễ tiếp cận hơn so với các nguồn tin học thuật từ TV. Đồng thời, khả năng đánh giá độ tin cậy của thông tin, một thành tố quan trọng của năng lực thông tin, vẫn chưa được hình thành một cách rõ ràng ở nhiều SV. Thực tế này đặt ra yêu cầu cần làm rõ vai trò của TV đại học trong việc định hướng tiếp cận thông tin và hỗ trợ phát triển năng lực nhận thức cho SV trong môi trường số. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích thực trạng tiếp cận thông tin của SV tại HOU và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của TV trong bối cảnh chuyển đổi số.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Khung tiếp cận nghiên cứu

Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc nhìn liên ngành, kết hợp các luận điểm của khoa học thư viện - thông tin, giáo dục học và khoa học chính trị nhằm phân tích toàn diện vai trò của TV đại học trong môi trường thông tin số. Trên cơ sở đó, khung lý thuyết được xây dựng xoay quanh ba thành tố chính: (i) môi trường thông tin số, (ii) năng lực tiếp nhận và xử lý thông tin của người học, và (iii) vai trò trung gian của TV đại học trong việc tổ chức và định hướng tri thức.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong giáo dục đại học, việc tăng cường vai trò của TV không chỉ nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo mà còn góp phần giúp SV hình thành khả năng tiếp cận, lựa chọn và đánh giá thông tin một cách có cơ sở. Nhiều nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy quá trình phát triển TV số và học liệu điện tử đang trở thành xu hướng tất yếu trong các trường đại học, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận tri thức của người học (Thanh, 2020).

2.1.2. Môi trường thông tin số và năng lực thông tin

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã làm thay đổi cấu trúc của môi trường tri thức, từ mô hình truyền thống sang môi trường thông tin mở và đa chiều. Trong môi trường này, người học có thể tiếp cận lượng thông tin rất lớn từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy nhiên, sự phong phú của thông tin cũng làm gia tăng nguy cơ quá tải thông tin và khó khăn trong việc xác định độ tin cậy của nguồn tin.

Năng lực thông tin là một khái niệm quan trọng trong lĩnh vực khoa học TV và giáo dục hiện đại. Theo Hiệp hội Thư viện Đại học và Nghiên cứu Hoa Kỳ (ACRL), năng lực thông tin được hiểu là khả năng nhận diện nhu cầu thông tin, tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả và có đạo đức.

Trong môi trường số, năng lực thông tin không chỉ giới hạn ở kỹ năng tìm kiếm tài liệu mà còn bao gồm khả năng phân tích, đánh giá độ tin cậy của thông tin và nhận diện các yếu tố thao túng thông tin trên môi trường số. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành tư duy phản biện và năng lực học tập suốt đời của người học.

2.1.3. Giáo dục thông tin và năng lực phản biện

Giáo dục thông tin được xem là một năng lực cốt lõi trong giáo dục đại học, giúp người học xác định nhu cầu thông tin, tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả (ACRL, 2016).

Trong môi trường số, năng lực này không chỉ dừng ở kỹ năng tìm kiếm mà còn bao gồm khả năng nhận diện thiên lệch, kiểm chứng thông tin và phân tích các quan điểm khác nhau (UNESCO, 2021). Đây là nền tảng để hình thành tư duy phản biện và năng lực học tập suốt đời.

Nhiều nghiên cứu cho thấy việc thiếu năng lực thông tin khiến SV dễ bị ảnh hưởng bởi các nguồn tin không đáng tin cậy (Head & Eisenberg, 2010). Do đó, giáo dục thông tin được xem là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao khả năng chọn lọc, tránh thông tin sai lệch của người học.

Ở các trường đại học, TV là đơn vị có lợi thế trong việc triển khai giáo dục thông tin thông qua các hoạt động hướng dẫn, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ học tập cá nhân hóa. Sự kết hợp giữa nguồn tin học thuật và giáo dục thông tin giúp người học tiếp cận tri thức một cách có cơ sở và có khả năng đánh giá.

Tóm lại, trong nghiên cứu này, năng lực thông tin được xem là thành tố cốt lõi cấu thành năng lực nhận thức của người học trong môi trường số, bao gồm khả năng tiếp nhận, đánh giá và phản biện thông tin.

2.1.4. Vai trò của thư viện đại học trong giáo dục năng lực thông tin

Trên cơ sở các tiếp cận lý thuyết, TV được xem là trung tâm tri thức và là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình hỗ trợ học tập và nghiên cứu. Các TV đại học ngày nay không chỉ cung cấp tài liệu mà còn triển khai nhiều hoạt động nhằm phát triển kỹ năng thông tin cho người học, thể hiện qua các phương diện chính:

- Cung cấp và định hướng nguồn tin học thuật, xây dựng nguồn tin có chọn lọc, đảm bảo độ tin cậy và tính hệ thống.
- Phát triển năng lực thông tin, hỗ trợ người học tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin, từ đó hình thành tư duy phản biện.
- Kiến tạo môi trường học thuật, xây dựng không gian học tập và văn hóa tri thức theo chuẩn mực khoa học.
- Mở rộng hoạt động trong môi trường số, cung cấp dịch vụ TV điện tử và học liệu số, nâng cao khả năng tiếp cận.
- Thực hiện vai trò điều tiết thông tin, thông qua tổ chức và gợi ý tri thức, hỗ trợ người học tiếp cận thông tin theo định hướng học thuật.

Các chức năng này ngày càng được mở rộng trong bối cảnh chuyển đổi số, khi TV cung cấp các dịch vụ trực tuyến, cơ sở dữ liệu điện tử và học liệu số. Ở Việt Nam, chương trình chuyển đổi số ngành TV đã xác định mục tiêu xây dựng hệ thống TV điện tử, thúc đẩy số hóa tài liệu và tăng cường khả năng truy cập học liệu số cho người dùng (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Như vậy, TV không chỉ cung cấp tài liệu mà còn điều tiết quá trình tiếp nhận tri thức thông qua chất lượng nguồn tin, cách thức tổ chức thông tin và năng lực của người học.

2.1.5. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã đề cập đến vai trò của TV trong việc hỗ trợ người học đối

phó với thông tin sai lệch và phát triển năng lực thông tin. Các hướng tiếp cận chủ yếu tập trung vào hành vi tìm kiếm thông tin của SV, vai trò của giáo dục thông tin và chức năng của TV trong xã hội tri thức. Những công trình này khẳng định tầm quan trọng của năng lực thông tin đối với quá trình học tập và nghiên cứu trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu quốc tế chủ yếu tiếp cận từ góc độ kỹ năng thông tin và hành vi người dùng, trong khi vai trò của TV trong việc định hướng nhận thức của người học trong môi trường thông tin số chưa được phân tích đầy đủ.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về TV đại học chủ yếu tập trung vào chuyển đổi số, phát triển nguồn lực thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ. Một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu phân tích mối quan hệ giữa hành vi đọc của SV và môi trường thông tin số, cho thấy xu hướng gia tăng đọc đa nền tảng và sự thay đổi trong cách tiếp cận tri thức của người học (Hạnh, 2025a; Hạnh, 2025b). Tuy nhiên, các nghiên cứu xem xét TV đại học như một thiết chế trung gian hỗ trợ SV đánh giá và định hướng thông tin vẫn còn hạn chế.

Do đó, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa TV đại học, hành vi tiếp cận thông tin của SV và năng lực đánh giá thông tin trong môi trường số là cần thiết, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc đổi mới hoạt động TV trong giáo dục đại học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp phân tích tài liệu và khảo sát bằng bảng hỏi.

Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng nhằm tổng hợp và hệ thống hóa các quan điểm lý thuyết liên quan đến vai trò của TV đại học, giáo dục năng lực thông tin và hành vi tiếp cận thông tin của SV trong môi trường số.

Bên cạnh phương pháp phân tích tài liệu, nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với SV HOU nhằm thu thập dữ liệu về thói quen đọc, mức độ sử dụng công nghệ số và khả năng tiếp cận các nguồn thông tin học thuật. Khảo sát được thực hiện trong năm 2025 với 989 phiếu trả lời hợp lệ từ SV thuộc nhiều ngành đào tạo khác nhau.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định xu hướng tiếp cận thông tin của SV và đánh giá mức độ khai thác các nguồn tin học thuật.

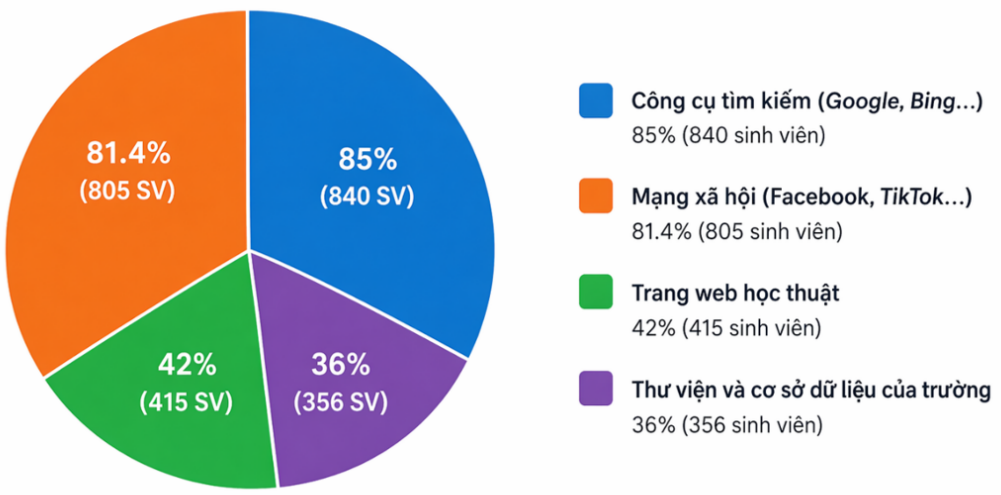
2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Xu hướng tiếp cận thông tin của sinh viên

Sự phát triển của internet và các nền tảng số đã làm thay đổi đáng kể thói quen tiếp cận thông tin của SV. Khảo sát sơ bộ đối với SV tại HOU cho thấy, các nguồn thông tin được SV sử dụng phổ biến hiện nay bao gồm mạng xã hội, các trang web trực tuyến, công cụ tìm kiếm và hệ thống học liệu của Nhà trường.

Kết quả khảo sát cho thấy SV ưu tiên sử dụng các nguồn thông tin dễ tiếp cận như công cụ tìm kiếm (85%) và mạng xã hội (81.4%), trong khi tỷ lệ sử dụng TV và cơ sở dữ liệu học thuật chỉ đạt 36%. Xu hướng này cho thấy sự lệch pha giữa khả năng tiếp cận thông tin và mức độ sử dụng nguồn tin học thuật. Kết quả này cũng tương đồng với nhiều nghiên cứu trước đây về hành vi tìm kiếm thông tin của SV, khi người học thường ưu tiên các nguồn tin dễ tiếp cận và nhanh chóng thay vì các nguồn tin học thuật có kiểm chứng (Head & Eisenberg, 2010; Hạnh, 2025a).

Biểu đồ 1. Nguồn thông tin sinh viên thường xuyên sử dụng (n=989 SV)



Nguồn: Khảo sát sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội năm 2025

Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Head và Eisenberg (2010), khi SV có xu hướng lựa chọn nguồn tin nhanh và thuận tiện thay vì nguồn tin đã được kiểm chứng. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường vai trò định hướng thông tin của TV trong môi trường số.

Trong khi đó, các nguồn thông tin trên mạng xã hội thường thiếu cơ chế kiểm chứng khoa học, dẫn đến nguy cơ tiếp nhận những thông tin thiếu chính xác hoặc mang tính định hướng sai lệch. Nếu không được trang bị kỹ năng đánh giá thông tin, SV có thể gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa tri thức khoa học và các quan điểm thiếu căn cứ.

2.3.2. Hạn chế trong năng lực đánh giá thông tin

Một trong những yếu tố quan trọng trong việc xây dựng "lá chắn tri thức" cho SV là năng lực đánh giá và sử dụng thông tin. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy mức độ thành thạo của SV trong lĩnh vực này còn hạn chế.

Số liệu cho thấy chỉ một tỷ lệ nhỏ SV thực sự tự tin trong việc đánh giá độ tin cậy của thông tin. Phần lớn SV chỉ có khả năng đánh giá ở mức cơ bản hoặc chưa thực sự chắc chắn. Thực trạng này cho thấy nhu cầu tăng cường giáo dục thông tin trong môi trường đại học, đặc biệt là các kỹ năng nhận diện nguồn tin đáng tin cậy, phân biệt thông tin khoa học và thông tin mang tính suy diễn, kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

TV có thể đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai các hoạt động đào tạo này. Những kết quả trên cho thấy năng lực nhận thức của SV trong môi trường thông tin số còn hạn chế, đặc biệt ở khả năng đánh giá và phản biện thông tin. Điều này khẳng định vai trò cần thiết của TV trong việc hỗ trợ phát triển năng lực nhận thức cho người học.

2.4. Giải pháp phát huy vai trò của thư viện đại học trong việc định hướng tiếp cận thông tin và phát triển năng lực nhận thức của sinh viên trong kỷ nguyên số

2.4.1. Phát triển nguồn tài nguyên thông tin định hướng tri thức

Trong bối cảnh môi trường thông tin ngày càng đa dạng và phức tạp, việc phát triển nguồn lực thông tin của TV cần hướng tới mục tiêu định hướng nhận thức, không chỉ dừng lại ở việc gia tăng số lượng tài liệu. TV cần ưu tiên xây dựng các bộ sưu tập chuyên sâu, đặc biệt là các tài liệu có giá trị học thuật và định hướng nhận thức như tài liệu lý luận chính trị, lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc và các nghiên cứu khoa học về những vấn đề chính trị - xã hội đương đại.

Bên cạnh đó, tài liệu cần được tổ chức thành hệ thống tri thức có cấu trúc, thay vì chỉ tập hợp theo chủ đề. TV có thể xây dựng các lộ trình đọc theo chủ đề, bắt đầu từ tài liệu nhập môn đến các công trình nghiên cứu chuyên sâu, kèm theo phần giới thiệu và gợi ý đọc tiếp. Cách tổ chức này giúp SV tiếp cận tri thức một cách hệ thống và hiểu rõ bối cảnh của vấn đề.

2.4.2. Tăng cường giáo dục năng lực thông tin cho sinh viên

Hiện nay, giáo dục thông tin ở nhiều trường đại học vẫn chủ yếu được triển khai như hoạt động hỗ trợ của TV, chưa trở thành nội dung đào tạo chính thức. Vì vậy, cần từng bước đưa giáo dục thông tin vào chương trình đào tạo thông qua các hình thức như xây dựng học phần độc lập, tích hợp trong các học phần phương pháp nghiên cứu hoặc tổ chức các chương trình bắt buộc dành cho SV năm nhất.



Hình 1. Mô hình phát triển năng lực thông tin cho sinh viên

Khung năng lực thông tin (ACRL, 2016) nhấn mạnh người học cần làm chủ một chu trình khép kín từ xác định nhu cầu đến sử dụng thông tin có trách nhiệm. Nội dung đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng cốt lõi như: đánh giá độ tin cậy của nguồn tin, nhận diện thông tin sai lệch trên môi trường số, so sánh và phân tích các quan điểm khác nhau dựa trên bằng chứng xác thực. Cách tiếp cận này giúp SV không chỉ biết tìm kiếm thông tin mà còn biết phân tích, đánh giá và sử dụng thông tin một cách có trách nhiệm.

2.4.3. Xây dựng hệ sinh thái thư viện số

Chuyển đổi số trong TV cần vượt qua giai đoạn số hóa tài liệu để tiến tới xây dựng hệ sinh thái tri thức số định hướng người dùng. Một số hướng triển khai gồm: phát triển hệ thống tìm kiếm thông minh có khả năng gợi ý tài liệu theo nhu cầu học tập; xây dựng giao diện tri thức theo chủ đề; tích

hợp các công cụ hỗ trợ học tập như trích dẫn tự động, ghi chú số và liên kết tài liệu liên quan.

Mục tiêu của các giải pháp này không chỉ là tăng khả năng truy cập tài liệu mà còn nâng cao chất lượng tương tác giữa người học và tri thức, từ đó khuyến khích SV sử dụng các nguồn thông tin học thuật đáng tin cậy.

2.4.4. Đổi mới hoạt động truyền thông thư viện

Trong thực tế, tri thức chính thống thường gặp bất lợi về mặt truyền thông so với các nội dung trên mạng xã hội. Do đó, TV cần đổi mới phương thức truyền thông nhằm tiếp cận SV hiệu quả hơn. Một số hoạt động có thể triển khai như: giới thiệu sách theo chủ đề thời sự, xây dựng nội dung truyền thông ngắn về kỹ năng thông tin, hoặc tổ chức các chiến dịch truyền thông gắn với các sự kiện học thuật.

2.4.5. Nâng cao năng lực cán bộ thư viện

Để đáp ứng những yêu cầu mới trong hoạt động TV, đội ngũ cán bộ TV cần được nhìn nhận lại vai trò và bồi dưỡng năng lực một cách toàn diện. Chương trình phát triển nhân lực cần tập trung vào một số nhóm năng lực cốt lõi như: năng lực công nghệ và quản trị các hệ thống TV số; kỹ năng tổ chức, thiết kế và kết nối tri thức; cùng với năng lực hướng dẫn, hỗ trợ người học trong quá trình tìm kiếm và khai thác thông tin.

Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để cán bộ TV tham gia sâu hơn vào các hoạt động học thuật của Nhà trường như nghiên cứu khoa học, phát triển học liệu và phối hợp giảng dạy với giảng viên trong một số nội dung liên quan đến kỹ năng thông tin.

2.4.6. Tăng cường phối hợp giữa thư viện và các đơn vị trong Trường

Vai trò của TV sẽ được phát huy hiệu quả hơn khi có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong trường. Cần thiết lập cơ chế hợp tác giữa TV với các khoa chuyên môn, đặc biệt là khoa lý luận chính trị, giảng viên và các tổ chức SV. Sự phối hợp này giúp TV trở thành một bộ phận gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo và nghiên cứu của nhà trường.

Việc phát huy vai trò của TV đại học trong định hướng tiếp cận thông tin và phát triển năng lực nhận thức của SV cần được tiếp cận theo hướng hệ thống. TV không trực tiếp tham gia vào các hoạt động đấu tranh tư tưởng theo nghĩa truyền thống, nhưng lại giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành tư duy khoa học và khả năng đánh giá thông tin của người học. Khi tri thức chính thống được tổ chức khoa học, giáo dục thông tin được triển khai bài bản và môi trường học thuật được củng cố, SV sẽ hình thành "lá chắn tri thức" trước các luồng thông tin sai lệch trong môi trường số.

Những giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động TV mà còn hỗ trợ SV phát triển năng lực thông tin và tư duy phản biện trong môi trường học thuật (ACRL, 2016).

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy trong môi trường thông tin số, TV đại học đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ SV tiếp cận, lựa chọn và đánh giá các nguồn thông tin học thuật. Thông qua việc cung cấp tài liệu có kiểm chứng và triển khai các hoạt động giáo dục thông tin, TV góp phần hình thành năng lực tiếp cận tri thức và tư duy phản biện cho người học.

Tuy nhiên, thực tiễn tại HOU cho thấy mức độ khai thác TV của SV còn hạn chế; nhiều SV vẫn ưu tiên các nguồn thông tin trực tuyến dễ tiếp cận nhưng chưa được kiểm chứng về độ tin cậy học thuật.

Kết quả nghiên cứu cho thấy TV cần tiếp tục đổi mới hoạt động theo hướng phát triển TV số thân thiện với người dùng, tăng cường định hướng thông tin và tích hợp giáo dục thông tin vào quá trình đào tạo. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả học tập của SV mà còn phù hợp với định hướng phát triển văn hóa đọc và chuyển đổi số ngành TV tại Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021; Thủ tướng Chính phủ, 2021).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Association of College & Research Libraries. (2016). *Framework for information literacy for higher education.* ACRL.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*. Hà Nội.

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Việt Nam. (2021). *Chiến lược phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2030.*

Castells, M. (2010). The rise of the network society (2nd ed.). *Wiley-Blackwell.*

Hạnh, N. T. H. (2025). *Văn hoá đọc chính trị trong sinh viên - Lá chắn mềm bảo vệ nền tảng tư tưởng đảng trong thời đại số*. Tạp chí Tâm lý-Giáo dục, Tập 31, số 6 (tháng 6/2025), kỳ 2, 01-07.

Hạnh, N. T. H. (2025). *Sinh viên và hành vi đọc đa nền tảng trong kỷ nguyên số: Cơ hội, thách thức và khuyến nghị*. Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 5/2025, 25-32.

Head, A. J., & Eisenberg, M. B. (2010). *How college students use the web to conduct everyday life research.* Project Information Literacy.

International Federation of Library Associations and Institutions. (2018). *IFLA statement on libraries and intellectual freedom*. IFLA.

Lankes, R. D. (2016). *The new librarianship field guide.* MIT Press.

Thanh, N.T.L. (2020). *Phát triển thư viện số trong các trường đại học Việt Nam*. Tạp chí Thông tin và Tư liệu, 4, 15–22.

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. (2021). *Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

UNESCO. (2021). *Media and information literacy: Curriculum for educators and learners.* UNESCO Publishing.